

HOA NÔNG NỮ CHỒ

Bữa ăn :Ăn Chính
Nữ tuổi :Mau giao
Tổng số trẻ :306

Sang : Bún thịt của tôi nam môp ca rot gia
su su
Sữa grow
Trởa : Cơm trứng chiên thịt cá chua hành
tây. Canh rau tan o tom kho thịt heo nạc
Món xào : rau muống
Xe: Sữa chua uống cam
Xe chiều: Hủ tíu thịt bò viên nam môp ca
rot bắp gia hẹ Bún thịt của tôi nam môp
ca rot gia su su

Số Tiền Trên Mỗi Trẻ 37018				
STT	Tên thức phẩm	Khối lượng(g)	Nôn giá(đ/100g)	Thanh tiền(đ)
	*CHỒ			
1	Ram (muối)	2,000	1,060	21,200
2	Cua ghe	600	91,850	551,100
3	Tom kho	200	78,100	156,200
4	Nộm mắm Cá (loại 1)	3,000	8,800	264,000
5	Dầu thảo mộc	4,000	6,280	251,200
6	Nộm cá	4,000	3,880	155,200
7	Dầu mè	1,000	3,870	38,700
8	Gạo tẻ máy	17,000	2,630	447,100
9	Hủ tíu	16,000	1,820	291,200
10	Ngô (bắp) tôi	1,000	4,200	42,000
11	Hành lá	1,500	6,300	94,500
12	Hành củ tôi	1,000	5,780	57,800
13	Cà rot	5,500	5,460	300,300
14	Nam rôm	1,000	13,130	131,300
15	Gia nấu xanh	2,000	2,730	54,600
16	Môp	4,000	3,990	159,600
17	Toi	300	7,350	22,050
18	Rau muống	4,000	3,990	159,600
19	Cà chua	3,500	6,300	220,500
20	Hành tây	1,000	3,570	35,700
21	Su su	1,000	3,050	30,500
22	Hẹ lá	100	5,570	5,570
23	Cải cúc (Tân o)	8,000	6,300	504,000
24	Bánh chả	1,000	18,700	187,000
25	Bún	18,000	1,710	307,800
26	Thịt bò loại 2	2,500	29,400	735,000
27	Thịt nạc băm	12,700	17,960	2,280,920
28	Trứng vịt	14,300	5,400	772,200
29	Sữa chua Daisy(1 lo)	30,600	5,950	1,820,700
Cong				10,097,540
	*XUẤT KHO			
30	Sữa bột Abbot Grow	6,000	20,500	1,230,000
Cong				1,230,000
Tổng tiền thức phẩm				11,327,540 đ
Chi phí khác				0(đ)
Tiền nỏch chỉ trong ngày				11322000(đ)
Số đồ nấu ngay				0(đ)
Số đồ cuối ngày				-5540(đ)
Xuất ăn luy ke tổ nấu tháng				
Tiêu chuẩn luy ke tổ nấu tháng				
Tiền chi luy ke tổ nấu tháng				